



lián yī qún
连衣裙

noun · dress (one-piece garment)

Example Sentences

Tā chuān le yī tiáo bái sè lián yī qún
她穿了一条白色连衣裙。

She wore a white dress.

Zhè tiáo lián yī qún de kuǎn shì hěn liú xíng
这条连衣裙的款式很流行。

The style of this dress is very popular.

Trace each character, then write the word on your own.

连	连	连	连	连	连	连	连	连	连	
衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣		
裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙
裙	裙	裙	裙							